

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 29/6/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiển, Ông Phạm Đình Bông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hương, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:

Ông Tống Mạnh Cường, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-DS, ngày 19/11/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS, ngày 19/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2021/QĐST-DS, ngày 09/6/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) L.

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Th, phường V, thành phố Gi, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí Nh, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Hoài S – Trưởng phòng khách hàng cá nhân kiêm trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp chi nhánh Đắk Lắk - Có mặt.

Ông Lê Toàn Th – Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hồng S, sinh năm 1967, bà Phạm Thị L, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1992, chị Trần Thị H, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn Lương S, xã Nam X, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 10/11/2020), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – ông Lê Hoài S, ông Lê Toàn Th trình bày:

Ngày 15/11/2017 và ngày 18/7/2018 ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L có vay vốn của Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk (Ngân hàng) với tổng số tiền 1.650.000.000 đồng, cụ thể theo hợp đồng tín dụng như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 - 0357 ngày 15/11/2017, giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1239/17/KUNN.CN, ngày 16/11/2017, Ngân hàng cho ông S, bà L vay số tiền 650.000.000 đồng và theo Hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 722/18/KUNN, ngày 18/7/2018 Ngân hàng cho ông S, bà L vay số tiền là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay số tiền 650.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 - 0357 ngày 15/11/2017 là 60 tháng; Thời điểm trả hết nợ ngày 15/11/2022. Thời hạn vay số tiền 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018 là 12 tháng; Thời điểm trả hết nợ ngày 18/7/2019.

Để bảo đảm cho các khoản vay, bị đơn đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AP 793021 vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 116977, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 10/8/2009 mang tên hộ ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 21.857 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BX 779105 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02413, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 05/5/2015 mang tên ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông, diện tích 13.876 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 165723 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02355, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 98, tờ bản đồ số: 54 đất tọa lạc tại thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 19.447 m², đất trồng cây lâu năm.

Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 1239/17/HĐTC - BĐS/0700 - 0357 ngày 15/11/2017 và Hợp đồng thế chấp số 746/17/HĐTC - BĐS/0700 - 0357 ngày 14/7/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn, khi đến hạn thanh toán:

Theo Hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 - 0357 ngày 15/11/2017 ông Trần Hồng S và Phạm Thị L phải thanh toán số tiền vốn gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 134.914.932 đồng nhưng ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L không thanh toán. Tính đến ngày 29/6/2021, ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L còn nợ các khoản sau: Vốn gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 134.914.932 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 11.685.827 đồng, tiền lãi quá hạn 19.660.993 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018 ông Trần Hồng S và Phạm Thị L phải thanh toán số tiền vốn gốc là 1.000.000.000 đồng

và tiền lãi trong hạn là 55.492.877 đồng nhưng ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L không thanh toán. Tính đến ngày 29/6/2021, ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L còn nợ các khoản sau: Vốn gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 55.492.877 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 10.824.912 đồng, tiền lãi quá hạn 330.348.493 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo và làm việc trực tiếp với ông S, bà L, yêu cầu ông S, bà L có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ (gốc, lãi) cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay ông bà vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng, vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu ông S, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng cụ thể:

Theo Hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017. Tính đến ngày 29/6/2021, ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L còn nợ các khoản sau: Vốn gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 134.914.932 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 11.685.827 đồng, tiền lãi quá hạn 19.660.993 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018. Tính đến ngày 29/6/2021, ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L còn nợ các khoản sau: Vốn gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 55.492.877 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 10.824.912 đồng, tiền lãi quá hạn 330.348.493 đồng.

Kể từ ngày 30/6/2021 cho đến khi thi hành án xong, Bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 - 0357 ngày 15/11/2017 và hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018

Trường hợp Bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1239/17/HĐTC - BĐS/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 và Hợp đồng thế chấp số 746/17/HĐTC - BĐS/0700 – 0357, ngày 14/7/2017 để thu hồi nợ.

Trường hợp toàn bộ số tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mãi mà không đủ để trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho nguyên đơn.

Biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị L, ông Trần Hồng S trình bày:

Ông S thừa nhận vợ chồng ông có vay vốn của Ngân hàng TMCP L, số tiền gốc còn nợ là 1.600.000.000 đồng. Do hiện nay ông S đang đi chấp hành án phạt tù nên ông S đề nghị tòa án xem xét đến tháng 7 ông S chấp hành án xong sẽ về thanh toán nợ với Ngân hàng. Bà L thừa nhận lời trình bày của người đại diện Ngân hàng TMCP L là đúng sự thật về nội dung Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và quá trình thanh toán nợ, số nợ gốc và lãi còn nợ. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà L không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, nên đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng bà được thanh toán làm nhiều lần.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Hồng S vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị L vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc Đình, chị Trần Thị Hiền vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L thanh toán cho Ngân hàng TMCP L (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk) số tiền theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Theo Hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 - 0357 ngày 15/11/2017 số nợ gốc còn nợ là 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là tiền lãi trong hạn 134.914.932 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 11.685.827 đồng, tiền lãi quá hạn 19.660.993 đồng. (Tạm tính đến ngày 29/6/2021).

Theo hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018, số nợ gốc là 1.000.000.000 đồng tiền lãi trong hạn còn nợ là 55.492.877 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 10.824.912 đồng, tiền lãi quá hạn 330.348.493 đồng. (Tạm tính đến ngày 29/6/2021).

Kể từ ngày 30/6/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 - 0357 ngày 15/11/2017 và hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018.

Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AP 793021 vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 116977, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 10/8/2009 mang tên hộ ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 21.857 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BX 779105 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02413, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 05/5/2015 mang tên ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông, diện tích 13.876 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 165723 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02355, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 98, tờ bản đồ số: 54 đất tọa lạc tại thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện

tích: 19.447 m², đất trồng cây lâu năm khi Bị đơn thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn.

Trường hợp Bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP L (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1239/17/HĐTC - BDS/0700 - 0357 ngày 15/11/2017 và Hợp đồng thế chấp số 746/17/HĐTC - BDS/0700 - 0357 ngày 14/7/2017 để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại:

- Thuộc thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 21.857 m², đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AP 793021 vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 116977, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 10/8/2009 mang tên hộ ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L

- Thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông, diện tích 13.876 m², đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BX 779105 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02413, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 05/5/2015 mang tên ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L

- Thuộc thửa đất số: 98, tờ bản đồ số: 54 đất tọa lạc tại thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 19.447 m², đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 165723 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02355, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L.

Trường hợp toàn bộ số tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mãi mà không đủ để trả nợ thì Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho Nguyên đơn. Nếu tài sản thế chấp thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bị đơn đối với Nguyên đơn thì Nguyên đơn phải trả lại số tiền thừa cho Bị đơn.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Về chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP L phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng.

Về án phí: Buộc ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP L khởi kiện ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 và Hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 - 0357, ngày 18/7/2018. Vì vậy, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L cư trú tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc Đình, chị Trần Thị Hiền vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

[2.1]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1239/17/KUNN.CN, ngày 16/11/2017 đã xác định được Ngân hàng TMCP L cho ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L vay số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng. Mục đích vay chăm sóc cà phê, hồ tiêu kinh doanh, trồng mới hồ tiêu và mua dụng cụ sản xuất nông nghiệp; Thời hạn vay 60 tháng, số nợ gốc được trả làm 05 kỳ, kỳ hạn trả lãi vay là 06 tháng 01 lần, thời điểm trả nợ vào ngày 16/11/2022; Lãi suất vay là 11.07%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế, trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng tín dụng, lãi suất vay sẽ thay đổi theo quy định của Ngân hàng L. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay, mức phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

Ngày 18/7/2018, Ngân hàng TMCP L tiếp tục cho ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L vay số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, mục đích vay chăm sóc cà phê, hồ tiêu, nuôi bò. Thời hạn vay 12 tháng, thời điểm trả nợ vào ngày 18/7/2019, số nợ gốc được trả vào cuối kỳ, kỳ hạn trả lãi vay là 06 tháng 01 lần; Lãi suất vay là 10.44%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế, trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng tín dụng, lãi suất vay sẽ thay đổi theo quy định của Ngân hàng TMCP L. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay, mức phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP L và bên vay là ông S, bà L. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi:

[2.2.1]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Theo hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1239/17/KUNN. CN thì ông S và bà L vay số tiền là 650.000.000 đồng. Ông bà đã thanh toán được 50.000.000 đồng tiền nợ gốc. Số tiền gốc còn nợ là 600.000.000 đồng, khi đến hạn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng nhưng ông S, bà L không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn, đồng thời chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn.

Theo hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 722/18/KUNN thì ông S, bà L vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Khi đến hạn thanh toán nợ gốc ông S, bà L không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn, đồng thời chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn.

Tại điểm j khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 quy định về việc thu hồi nợ trước hạn có thể hiện: Bên B vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ gốc còn nợ là 600.000.000 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Đối với hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018 thì thời hạn thanh toán số nợ gốc vào ngày 18/7/2019, tuy nhiên khi đến hạn thanh toán nợ nhưng ông S, bà L không thực hiện nghĩa vụ của mình, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi trong hạn:

Tại Điều 2 hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 thể hiện lãi suất vay là 11.07%/năm, lãi suất vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mức lãi suất sẽ thay đổi theo định kỳ, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông S và bà L đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 107.779.548 đồng. Tính đến ngày 29/6/2021 số tiền lãi trong hạn ông S, bà L còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 134.914.932 đồng

Tại Điều 2 hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 722/18/KUNN, ngày 18/7/2018 thể hiện lãi suất vay là 10,44%/năm, lãi suất vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Sau mỗi 03 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên lãi suất vay của các khế ước nhận nợ sẽ thay đổi, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông S và bà L đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 54.267.397 đồng, tính đến ngày 29/6/2021 số tiền lãi trong hạn ông S, bà L còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 55.492.877 đồng.

[2.2.3]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi quá hạn:

Tại khoản 2 Điều 2 của hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 thể hiện mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Theo hợp đồng tín dụng thì ngày 16/8/2019 ông S, bà L phải thanh toán số nợ gốc là 50.00.000 đồng, tuy nhiên ông bà không thực hiện nghĩa vụ của mình, vì vậy nguyên đơn chuyển số tiền 600.000.000 đồng sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng. Số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/6/2021 là 19.660.993 đồng.

Tại khoản 2 của hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018 thể hiện mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Theo hợp đồng tín dụng thì ngày 18/7/2019 ông S, bà L phải thanh toán số nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, tuy nhiên ông bà không thực hiện nghĩa vụ của mình, vì vậy

nguyên đơn chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng. Số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/6/2021 là 330.348.493 đồng.

[2.2.4]. Đối với yêu cầu tính lãi suất đối với lãi chậm trả:

Tại khoản 3 Điều 2 của hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 thể hiện mức lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tính đến ngày 29/6/2021 số tiền lãi trong hạn mà ông S, bà L phải thanh toán là 134.914.932 đồng tuy nhiên ông bà không thực hiện nghĩa vụ của mình, vì vậy ông bà phải chịu lãi suất lãi chậm trả là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng. Số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 29/6/2021 là 11.658.827 đồng.

Tại khoản 3 Điều 2 của hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018 thể hiện mức lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tính đến ngày 29/6/2021 số tiền lãi trong hạn mà ông S, bà L phải thanh toán là 55.492.877 đồng tuy nhiên ông bà không thực hiện nghĩa vụ của mình, vì vậy ông bà phải chịu lãi suất lãi chậm trả là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng. Số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 29/6/2021 là 10.824.912 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn, tiền chậm trả lãi của Nguyên đơn đối với Bị đơn thể hiện cụ thể tại bảng kê tính lãi được lập ngày 28/6/2021 là có cơ sở, đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1239/17/HĐTC - BDS/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 và Hợp đồng thế chấp số 746/17/HĐTC - BDS/0700 – 0357, ngày 14/7/2017 thể hiện bị đơn đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AP 793021 vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 116977, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 10/8/2009 mang tên hộ ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 21.857 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BX 779105 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02413, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 05/5/2015 mang tên ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông, diện tích 13.876 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 165723 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02355, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 98, tờ bản đồ số: 54 đất tọa lạc tại thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 19.447 m², đất trồng cây lâu năm khi Bị đơn thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2021, thể hiện các quyền sử dụng đất mà Bị đơn thể chấp cho Nguyên đơn đúng với hiện trạng thực tế, các thửa đất trên hiện nay do Bị đơn đang quản lý, sử dụng, canh tác.

Xét thấy việc bị đơn thể chấp các quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1239/17/KUNN.CN, ngày 16/11/2017; Hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 722/18/KUNN, ngày 18/7/2018. Vì vậy, trường hợp Bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thể chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Trường hợp toàn bộ số tài sản thể chấp sau khi xử lý phát mãi mà không đủ để trả nợ thì Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho Nguyên đơn. Nếu tài sản thể chấp thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bị đơn đối với Nguyên đơn thì Nguyên đơn phải trả lại số tiền thừa cho Bị đơn.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AP 793021 vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 116977, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 10/8/2009 mang tên hộ ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 21.857 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BX 779105 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02413, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 05/5/2015 mang tên ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông, diện tích 13.876 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 165723 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02355, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 98, tờ bản đồ số: 54 đất tọa lạc tại thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 19.447 m², đất trồng cây lâu năm khi Bị đơn thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn khi Bị đơn thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn.

[3]. Đối với yêu cầu của ông Trần Hồng S: Do hiện nay ông S đang chấp hành án phạt tù, ông đề nghị Tòa án xem xét đến tháng 7 ông chấp hành án xong sẽ về thanh toán nợ với Ngân hàng. Xét yêu cầu của ông S là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông.

[4]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Do Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) vì vậy Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk) số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5]. Chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP L phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.025.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền mà Ngân hàng TMCP L đã nộp theo Phiếu thu ngày 19/3/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L phải nộp số tiền 75.259.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP L (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk) số tiền 36.859.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP L (Người nộp tiền Trần Văn H) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003960/BL-THA, ngày 17/11/2020.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 155, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 410, Điều 418, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L.

Buộc ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L thanh toán cho Ngân hàng TMCP L (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk) các khoản tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 tổng số tiền ông S, bà L phải thanh toán là 766.261.751 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 134.914.932 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 19.660.993 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 11.685.827 đồng (Tạm tính đến ngày 29/6/2021).

Theo hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/201 tổng số tiền ông S, bà L phải thanh toán là 1.396.666.282 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 55.492.877 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 330.348.493 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 10.824.912 đồng (Tạm tính đến ngày 29/6/2021).

Tổng số tiền mà ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L là: 2.162.928.033 đồng (Tạm tính đến ngày 29/6/2021).

2. Kể từ ngày 30/6/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 1239/17/HĐTD/0700 – 0357, ngày 15/11/2017; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1239/17/KUNN.CN, ngày 16/11/2017; Hợp đồng tín dụng số 722/18/HĐTD/0700 – 0357, ngày 18/7/2018; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 722/18/KUNN, ngày 18/7/2018. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ kiêm khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

3. Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AP 793021 vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 116977, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 10/8/2009 mang tên hộ ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 21.857 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BX 779105 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02413, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 05/5/2015 mang tên ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông, diện tích 13.876 m², đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 165723 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02355, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L thuộc thửa đất số: 98, tờ bản đồ số: 54 đất tọa lạc tại thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 19.447 m², đất trồng cây lâu năm khi Bị đơn thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn khi Bị đơn thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn.

4. Trường hợp Bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP L (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1239/17/HĐTC - BDS/0700 – 0357, ngày 15/11/2017 và Hợp đồng thế chấp số 746/17/HĐTC - BDS/0700 – 0357, ngày 14/7/2017 để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại:

- Thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AP 793021 vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 116977, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 10/8/2009 mang tên hộ ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L.

- Thừa đất số 20, tờ bản đồ số 45 đất tọa lạc tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BX 779105 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02413, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 05/5/2015 mang tên ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L.

- Thừa đất số: 98, tờ bản đồ số: 54 đất tọa lạc tại thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 165723 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 02355, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Trần Hồng S và bà Phạm Thị L.

Trường hợp toàn bộ số tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mãi mà không đủ để trả nợ thì Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho Nguyên đơn. Nếu tài sản thế chấp thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bị đơn đối với Nguyên đơn thì Nguyên đơn phải trả lại số tiền thừa cho Bị đơn.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Hồng Sơn, bà Phạm Thị L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Do Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) vì vậy bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk) số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

6. Chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP L phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.025.000 đồng được khấu trừ số tiền mà Ngân hàng TMCP L đã nộp theo Phiếu thu ngày 19/3/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

7. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 75.259.000 đồng. Ông Trần Hồng S, bà Phạm Thị L phải nộp số tiền 75.259.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP L (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đắk Lắk) số tiền 36.859.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP L (Người nộp tiền Trần Văn H) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003960/BL-THA, ngày 17/11/2020.

8. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tím